BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 28
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ Công ty Quản lý Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại số 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Thành viên trong kỳ bao gồm:

Ông Trần Minh Thành	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Châu	Thành viên
Ông Vũ Tiến Đạt	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ bao gồm:

Ông Lê Hữu Châu	Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Thành	Phó Giám đốc
Ông Vũ Tiến Đạt	Phó Giám đốc
Ông Trần Minh Trung	Phó Giám đốc

Thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Mạnh Thư	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 03/05/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 0301986393 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
QUẬN 10 - TP HỒ CHÍ MINH

Thay mặt Ban Giám đốc
Lê Hữu Châu
Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 08 năm 2016

Số: 1930/2016/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 31 tháng 08 năm 2016, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 03 tháng 05 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại thời điểm 03/05/2016, một số khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ. Với những tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi vẫn không thể khẳng định được tính đầy đủ và hiện hữu đối với số phải thu khách hàng 23,5 tỷ VND, phải thu khác 2,6 tỷ VND, phải trả người bán 2,8 tỷ VND, người mua trả tiền trước 9,2 tỷ VND. Do đó chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016.

- Chi phí thực hiện công trình của các Xí nghiệp chỉ được Công ty ghi nhận khi phần công việc hoàn thành được khách hàng nghiệm thu, chấp nhận thanh toán, do đó, chi phí phát sinh đối với phần công việc đã thực hiện nhưng chưa được khách hàng nghiệm thu, chấp nhận thanh toán chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính của Công ty. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không xác định được giá trị cần ghi nhận vào khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm 03/05/2016.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 03 tháng 05 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm phát hành Báo cáo Kiểm toán này, Quỹ lương của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 vẫn chưa nhận được sự phê duyệt của chủ sở hữu.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

M.S.D.N - 0100111105 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Phạm Thị Thanh Giang
Phó Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0286-2013-002-1
Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Thị Thanh Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2888-2015-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 03 tháng 05 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	03/05/2016	01/01/2016 (Đã điều chỉnh lại)
			VND	VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**149.594.387.250**	**209.705.466.226**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**25.617.663.993**	**51.913.389.947**
111	1. Tiền		25.617.663.993	41.913.389.947
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**111.798.064.440**	**150.824.944.495**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	56.799.042.131	108.642.233.083
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.053.370.840	3.357.025.503
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	51.945.651.469	38.866.028.374
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(40.342.465)
140	**IV. Hàng tồn kho**	6	**1.937.343.782**	**2.502.260.611**
141	1. Hàng tồn kho		1.937.343.782	2.502.260.611
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**10.241.315.035**	**4.464.871.173**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.734.627.069	1.449.205.576
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	8.506.687.966	3.015.665.597
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**68.961.132.656**	**46.218.886.634**
220	**II. Tài sản cố định**		**50.444.216.085**	**43.574.468.721**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	50.377.096.630	43.565.310.378
222	*- Nguyên giá*		*78.153.549.875*	*77.318.081.413*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(27.776.453.245)*	*(33.752.771.035)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	67.119.455	9.158.343
228	*- Nguyên giá*		*152.100.000*	*87.100.000*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(84.980.545)*	*(77.941.657)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	7	**522.251.093**	**522.251.093**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		522.251.093	522.251.093
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**17.994.665.478**	**2.122.166.820**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	17.994.665.478	2.122.166.820
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**218.555.519.906**	**255.924.352.860**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 03 tháng 05 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	03/05/2016 VND	01/01/2016 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**123.391.296.122**	**167.267.858.121**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**123.391.296.122**	**167.267.858.121**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	6.281.472.295	10.378.211.174
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		23.145.302.321	17.732.863.601
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	-	4.706.537.592
314	4. Phải trả người lao động		2.691.911.963	5.467.404.509
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		6.909.091	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	70.479.147.122	89.605.117.675
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	11.813.694.050	19.302.870.451
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.972.859.280	20.074.853.119
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**95.164.223.784**	**88.656.494.739**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**15**	**91.000.000.000**	**89.480.861.399**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		91.000.000.000	44.713.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		-	26.230.028.067
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	18.536.994.208
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	839.124
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		-	*839.124*
430	**II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác**		**4.164.223.784**	**(824.366.660)**
431	1. Nguồn kinh phí	17	4.164.223.784	(824.366.660)
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**218.555.519.906**	**255.924.352.860**

Trần Thị Kinh Oanh	**Lê Nga Phương**	**Lê Hữu Châu**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**19**	**33.950.722.721**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**33.950.722.721**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**20**	**31.360.298.580**
	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		**2.590.424.141**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		171.710.634
22	7. Chi phí tài chính		98.304.278
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*98.304.278*
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	5.662.635.949
30	**9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(2.998.805.452)**
31	10. Thu nhập khác	22	315.789.320
32	11. Chi phí khác	23	1.191.052.420
40	**12. Lợi nhuận khác**		**(875.263.100)**
50	**13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(3.874.068.552)**
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	
60	**15. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**(3.874.068.552)**

Trần Thị Kinh Oanh	**Lê Nga Phương**	**Lê Hữu Châu**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		94.284.255.368
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(68.110.035.907)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(9.894.463.459)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(98.304.278)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.000.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (i)		55.062.261.549
	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (ii)		(88.173.229.238)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(18.929.515.965)***
	II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(65.000.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		187.966.412
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***122.966.412***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	1. Tiền thu từ đi vay		10.755.614.099
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(18.244.790.500)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(7.489.176.401)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(26.295.725.954)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**51.913.389.947**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**25.617.663.993**

(i): Trong đó, tiền thu được trong kỳ từ bán cổ phần là 52.212.500.000 VND;

(ii): Trong đó, chi nộp về Chủ sở hữu (HFIC) tiền thu được do bán cổ phần là 48.177.106.588 VND; chi quỹ khen thưởng, phúc lợi 10.981.973.832 VND.

Trần Thị Kinh Oanh	**Lê Nga Phương**	**Lê Hữu Châu**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 08 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ Công ty Quản lý Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại số 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là 44.713.000.000 VND. Theo phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh tháng 12 năm 2015 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 04 tháng 05 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là 91.000.000.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp quản lý. Quản lý và khai thác phục vụ hành khách qua phà; Duy tu bờ kè; Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh;
- Lĩnh vực thi công, sản xuất, lắp đặt: Thi công (đào, lắp đặt các công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, các công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);
- Sản xuất, lắp đặt các biển báo giao thông đường thủy và đường bộ; sơn đường, thả phao tiêu báo hiệu;
- Dịch vụ giữ xe dưới dạ cầu trong hành lang quản lý;
- Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện điều chỉnh theo quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và các xử lý tài chính khác theo hướng dẫn tại thông tư số 127/2014/TT-BTC để hoàn tất việc chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Công trình Giao thông 1	thành phố Hồ Chí Minh	Thi công công trình giao thông
Xí nghiệp Công trình Giao thông 2	thành phố Hồ Chí Minh	Thi công công trình giao thông
Xí nghiệp Công trình Giao thông 3	thành phố Hồ Chí Minh	Thi công công trình giao thông
Xí nghiệp Công trình Giao thông 4	thành phố Hồ Chí Minh	Thi công công trình giao thông
Xí nghiệp Công trình Giao thông 5	thành phố Hồ Chí Minh	Thi công công trình giao thông
Xí nghiệp Công trình Giao thông 6	thành phố Hồ Chí Minh	Thi công công trình giao thông
Xí nghiệp Công trình Giao thông 7	thành phố Hồ Chí Minh	Thi công công trình giao thông, khai thác dạ cầu.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Công trình Giao thông 8	thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất lắp đặt biển báo, dải phân cách và cấu kiện cầu, thi công công trình
Đội thi công cơ giới	thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê xe máy thiết bị, thi công công trình

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu
Tài sản tài chính
Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính
Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp tính theo giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 20 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên biên bản nghiệm thu khối lượng và giá trị.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.15 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 . Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.18 . Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Theo hướng dẫn về xử lý tài chính khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần tại thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014. Báo cáo tài chính lập tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa không phải trích lập dự phòng các khoản giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp; không phải trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	03/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	21.565.282	9.148.797
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.596.098.711	41.904.241.150
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	25.617.663.993	**51.913.389.947**

4 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	03/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Khu quản lý Giao thông Đô thị số 1	661.536.626	2.220.805.626
Khu quản lý Giao thông Đô thị số 2	4.693.795.596	5.243.712.596
Khu quản lý Giao thông Đô thị số 3	2.957.928.932	4.660.741.932
Khu quản lý Giao thông Đô thị số 4	5.304.761.444	9.950.287.444
Các khoản phải thu khách hàng khác	43.181.019.533	86.566.685.485
	56.799.042.131	**108.642.233.083**
Phải thu khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	56.799.042.131	108.642.233.083
	56.799.042.131	**108.642.233.083**

5 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	03/05/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
	51.945.651.469	-	**38.866.028.374**	-
Phải thu về cổ phần hóa	280.286.000	-	-	-
Phải thu các khoản trích theo lương từ xí nghiệp	182.671.705	-	205.278.429	-
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân	233.120.584	-	-	-
Phải thu tiền đặt cọc thuê mặt bằng	250.000.000	-	-	-
Phải thu Công ty Công trình Giao thông về chi hộ tiền đo vẽ đất	90.940.224	-	90.940.224	-
Phải thu tiền bảo đảm chờ quyết toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	11.639.829.228	-	10.319.896.938	-
Phải thu về cho thuê máy thi công	2.081.476.817	-	1.245.800.853	-
Phải thu về tạm ứng	37.135.993.579	-	26.986.334.152	-
Phải thu khác	51.333.332	-	17.777.778	-
	51.945.651.469	-	**38.866.028.374**	-

6 . HÀNG TỒN KHO

	03/05/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.785.614.782	-	2.350.531.611	-
Công cụ, dụng cụ	151.729.000	-	151.729.000	-
	1.937.343.782	-	**2.502.260.611**	-

7 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	03/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	**522.251.093**	**522.251.093**
Công trình xây dựng trụ sở làm việc (i)	522.251.093	522.251.093
Chi phí khảo sát địa chất công trình, tư vấn lập dự án và thiết kế cơ sở	*522.251.093*	*522.251.093*
	522.251.093	**522.251.093**

(i): Dự án đầu tư xây dựng Công trình Trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh tại số 451/10 đường Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10 được phê duyệt theo quyết định số 01/QĐ-SXD-TDDA ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Sở xây dựng thành phố Hồ Chí Minh. Nguồn vốn đầu tư dự án từ tiền thu được do bán đấu giá nhà, đất tại địa chỉ số 132 đường Đào Duy Từ, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 08 năm 2015, Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Công văn số 4715/UBND-CNN về việc không cấp thêm vốn từ nguồn bán đấu giá mặt bằng tại số 132 Đào Duy Từ, quận 10 để xây dựng trụ sở làm việc mới.

Ngày 01/07/2016, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà đã ra Nghị quyết số 451/NQ-HĐQT giao Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng nghiệp vụ thực hiện thủ tục hủy dự án cũ, xin phép Sở tài chính về hướng xử lý khoản chi phí đã phát sinh đồng thời thực hiện lập lại dự án mới.

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	8.744.538.007	5.095.621.920	62.613.513.486	864.408.000	77.318.081.413
- Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp (i)	3.371.314.655	816.000	490.981.405	3.430.272	3.866.542.332
- Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp (i)	-	(37.142.857)	(2.895.508.013)	(69.423.000)	(3.002.073.870)
- Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận	-	-	-	(29.000.000)	(29.000.000)
Số dư cuối kỳ	**12.115.852.662**	**5.059.295.063**	**60.208.986.878**	**769.415.272**	**78.153.549.875**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	3.452.132.038	3.552.026.615	25.964.283.511	784.328.871	33.752.771.035
- Khấu hao trong kỳ	287.520.412	106.707.512	1.838.662.305	16.474.536	2.249.364.765
- Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp (i)	1.796.329.920	-	-	-	1.796.329.920
- Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp (i)	-	(1.258.611.382)	(8.507.419.260)	(241.481.833)	(10.007.512.475)
- Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận	-	-	-	(14.500.000)	(14.500.000)
Số dư cuối kỳ	**5.535.982.370**	**2.400.122.745**	**19.295.526.556**	**544.821.574**	**27.776.453.245**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	5.292.405.969	1.543.595.305	36.649.229.975	80.079.129	43.565.310.378
Tại ngày cuối kỳ	**6.579.870.292**	**2.659.172.318**	**40.913.460.322**	**224.593.698**	**50.377.096.630**

(i): Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo Quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc chấp nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư tại 01/01/2016	**87.100.000**	**87.100.000**
- Mua trong kỳ	65.000.000	65.000.000
Số dư tại 03/05/2016	**152.100.000**	**152.100.000**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại 01/01/2016	**77.941.657**	**77.941.657**
- Khấu hao trong kỳ	7.038.888	7.038.888
Số dư tại 03/05/2016	**84.980.545**	**84.980.545**
Giá trị còn lại		
Số dư tại 01/01/2016	9.158.343	9.158.343
Số dư tại 03/05/2016	**67.119.455**	**67.119.455**

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	03/05/2016	01/01/2016 (Đã phân loại lại)
	VND	VND
Ngắn hạn	**1.734.627.069**	**1.449.205.576**
Chi phí chờ ghi nhận do chưa có doanh thu	1.734.627.069	-
Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc	-	323.824.254
Chi phí cải tạo dạ cầu Tân Thới Hiệp	-	1.125.381.322
Dài hạn	**17.994.665.478**	**2.122.166.820**
Lợi thế kinh doanh (i)	15.677.431.417	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.317.234.061	2.122.166.820
	19.729.292.547	**3.571.372.396**

(i): Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chấp nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh.

11 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong kỳ		03/05/2016	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn (i)	19.302.870.451	19.302.870.451	10.755.614.099	18.244.790.500	11.813.694.050	11.813.694.050
	19.302.870.451	**19.302.870.451**	**10.755.614.099**	**18.244.790.500**	**11.813.694.050**	**11.813.694.050**

Thông tin chi tiết như sau:

(i): Các khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/03062015/94435/HĐTDHM ngày 03/06/2015 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP HCM và Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố HCM. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND. Mục đích để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất và thời hạn của khoản vay được xác định theo từng lần giải ngân cụ thể, lãi trả hàng tháng. Phương thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	03/05/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn	1.961.957.527	1.961.957.527	598.343.423	598.343.423
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hải Phúc	1.053.654.200	1.053.654.200	1.053.654.200	1.053.654.200
Chi nhánh Sao Mai - Công ty TNHH MTV đóng tàu 76	784.500.000	784.500.000	784.500.000	784.500.000
Công ty Cổ Phần đầu tư và xây dựng Công trình 3	-	-	2.272.587.000	2.272.587.000
Công ty Công trình Giao thông 68	311.375.000	311.375.000	2.206.860.564	2.206.860.564
Phải trả nhà cung cấp khác	2.169.985.568	2.169.985.568	3.462.265.987	3.462.265.987
	6.281.472.295	**6.281.472.295**	**10.378.211.174**	**10.378.211.174**
Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	6.281.472.295	6.281.472.295	10.378.211.174	10.378.211.174
	6.281.472.295	**6.281.472.295**	**10.378.211.174**	**10.378.211.174**
Phải trả người bán là các bên liên quan *(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)*	1.961.957.527	1.961.957.527	598.343.423	598.343.423

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.528.830.481	3.087.546.145	11.199.405.752	3.583.029.126	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.818.337.560	-	-	2.000.000.000	4.818.337.560	-
Thuế thu nhập cá nhân	197.328.037	-	392.006.757	300.000.000	105.321.280	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	143.460.900	-	143.460.900	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	34.246.211	-	34.246.211	-	-
	3.015.665.597	**4.706.537.592**	**3.479.552.902**	**13.677.112.863**	**8.506.687.966**	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	03/05/2016 VND	01/01/2016 VND
	70.479.147.122	**89.605.117.675**
Phải trả các xí nghiệp về chi phí thi công (i)	35.953.477.563	53.225.673.120
Phải trả về thuế GTGT đầu vào kê khai khấu trừ hộ xí nghiệp (ii)	19.006.802.621	34.234.205.567
Quỹ đầu tư phát triển Phải nộp về HFIC	12.000.000.000	-
Phải trả về cổ phần hóa	2.963.507.778	-
Phải trả về thuế thu nhập cá nhân thu thừa	-	1.455.627.648
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	65.443.000	65.443.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	489.916.160	624.168.340
	70.479.147.122	**89.605.117.675**

(i): Phải trả cho các Xí nghiệp về chi phí duy tu, sửa chữa, thi công công trình phần tương ứng phần chi phí tạm ứng thiếu theo giá trị nghiệm thu trên biên bản quyết toán đã được Công ty chấp nhận phù hợp với định mức chi phí tiêu hao áp dụng trong lĩnh vực xây lắp.

(ii): Công ty thực hiện kê khai và khấu trừ hộ thuế GTGT đầu vào phát sinh tại các Xí nghiệp. Giá trị thuế GTGT đầu vào đủ điều kiện khấu trừ sẽ được thanh toán cho các Xí nghiệp sau khi có biên bản quyết toán của cơ quan thuế.

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư tại thời điểm 01/01/2015	**44.713.000.000**	**61.805.572.317**	-	**16.881.360.711**	**839.124**	**123.400.772.152**
Lãi trong năm 2015	-	-	-	-	17.138.910.338	17.138.910.338
Giảm vốn trong năm 2015 (i)	-	(35.575.544.250)	-	-	-	(35.575.544.250)
Phân phối lợi nhuận (iii)	-	-	-	1.655.633.497	(17.138.910.338)	(15.483.276.841)
Số dư tại thời điểm 31/12/2015	**44.713.000.000**	**26.230.028.067**	-	**18.536.994.208**	**839.124**	**89.480.861.399**
Lỗ trong trong kỳ này	-	-	-	-	(3.874.068.552)	(3.874.068.552)
Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp (ii)	-	15.753.773.882	9.475.036.920	-	-	25.228.810.802
Tăng khác	51.333.332	-	-	-	-	51.333.332
Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp (ii)	-	(522.588.711)	-	-	-	(522.588.711)
Giảm do phải nộp về HFIC	-	-	-	(16.881.360.711)	-	(16.881.360.711)
Điều chỉnh khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần	46.235.666.668	(41.461.213.238)	(9.475.036.920)	(1.655.633.497)	3.873.229.428	(2.482.987.559)
Số dư cuối kỳ này	**91.000.000.000**	-	-	-	-	**91.000.000.000**

(i): Giảm vốn theo Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 26 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chuyển Bến phà Cát Lái từ Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh về Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong.

(ii): Điều chỉnh theo Quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về chấp nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà TP. Hồ Chí Minh.

(iii): Phối lợi nhuận năm 2015 theo biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2015 ngày 13/07/2016 của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2015		**17.138.910.338**
Trích Quỹ Đầu tư Phát triển	9,66	1.655.633.497
Trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	88,96	15.246.756.841
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1,38	236.520.000

16 . CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016
	VND
Số dư đầu kỳ	-
Số tăng trong kỳ (i)	9.475.036.920
Số giảm kỳ (ii)	(9.475.036.920)
Số dư cuối kỳ	-

(i): Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản theo quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chấp nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh.

(ii): Kết chuyển toán bộ số dư chênh lệch đánh giá lại tài sản tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty Cổ phần.

17 . NGUỒN KINH PHÍ

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016
	VND
Nguồn kinh phí còn lại tại 01/01/2016	(824.366.660)
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	6.253.425.690
Chi sự nghiệp trong kỳ	(1.264.835.246)
Nguồn kinh phí còn lại tại 03/05/2016	**4.164.223.784**

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản nhận giữ hộ

	03/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ	522.588.711	

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016
	VND
Doanh thu công tác duy tu cầu	16.195.082.728
Doanh thu xây dựng công trình	15.923.339.282
Doanh thu công tác Kiểm định tư vấn giám sát	411.503.440
Doanh thu công tác khai thác dạ cầu	1.335.415.453
Doanh thu khác	85.381.818
	33.950.722.721

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 VND
Giá vốn công tác duy tu cầu	13.936.137.525
Giá vốn xây dựng công trình	15.614.161.284
Giá vốn hoạt động Kiểm định tư vấn giám sát	384.160.350
Giá vốn khai thác dạ cầu	1.237.033.376
Giá vốn khác	188.806.045
	31.360.298.580

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	260.194.039
Chi phí nhân công	2.264.304.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.127.951.640
Thuế, phí và lệ phí	355.717.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.394.727.321
Chi phí khác bằng tiền	259.741.078
	5.662.635.949

22 . THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 VND
Thu tiền bồi thường sửa chữa cầu do va đụng	135.612.603
Hoa hồng nhận được từ hợp đồng bảo hiểm	13.183.945
Thu nhập do giảm các khoản phải trả cho xí nghiệp khi có quyết toán chính thức	166.992.772
	315.789.320

23 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 VND
Chi phí sửa chữa cầu, đường do va đụng	65.671.098
Chi phí cải tạo dạ cầu Tân Thới Hiệp (i)	1.125.381.322
	1.191.052.420

(i): Dạ cầu Tân Thới Hiệp được Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà bàn giao về Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3 quản lý theo Công văn số 3819/SGTVT-KT của Sở Giao thông Vận tải. Phần chi phí cải tạo còn lại được phân bổ hết vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016
	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(3.874.068.552)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.125.381.322
- Chi phí không được trừ	1.125.381.322
Thu nhập chịu thuế TNDN	(2.748.687.230)
Thu nhập tính thuế TNDN	(2.748.687.230)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(2.818.337.560)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(2.000.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh	**(4.818.337.560)**

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	03/05/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.617.663.993	-	51.913.389.947	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	108.744.693.600	-	147.508.261.457	(40.342.465)
	134.362.357.593	**-**	**199.421.651.404**	**(40.342.465)**

	Giá trị sổ kế toán	
	03/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	11.813.694.050	19.302.870.451
Phải trả người bán, phải trả khác	76.760.619.417	99.983.328.849
	88.574.313.467	**119.286.199.300**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất.
Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 03/05/2016				
Tiền và tương đương tiền	25.617.663.993	-	-	25.617.663.993
Phải thu khách hàng, phải thu khác	108.744.693.600	-	-	108.744.693.600
	134.362.357.593	**-**	**-**	**134.362.357.593**
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và tương đương tiền	51.913.389.947	-	-	51.913.389.947
Phải thu khách hàng, phải thu khác	147.467.918.992	-	-	147.467.918.992
	199.381.308.939	**-**	**-**	**199.381.308.939**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 03/05/2016				
Vay và nợ	11.813.694.050	-	-	11.813.694.050
Phải trả người bán, phải trả khác	76.760.619.417	-	-	76.760.619.417
	88.574.313.467		**-**	**88.574.313.467**
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	19.302.870.451	-	-	19.302.870.451
Phải trả người bán, phải trả khác	99.983.328.849	-	-	99.983.328.849
	119.286.199.300	**-**	**-**	**119.286.199.300**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016
	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	924.000.000

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016
	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	18.244.790.500

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 04 tháng 05 năm 2016, Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp - Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0301986393, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 05 năm 2016. Theo đó, Vốn điều lệ đăng ký là 91.000.000.000 VND, người đại diện theo pháp luật là Ông Lê Hữu Châu - Tổng Giám đốc.

Ngoài sự kiện đã được công bố trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016
		VND
Chi trả tiền mua nguyên vật liệu		
- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn	Công ty cùng chủ sở hữu	2.896.343.423

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	03/05/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu khác			
- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn	Công ty cùng chủ sở hữu	90.940.224	90.940.224
Phải trả cho người bán			
- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn	Công ty cùng chủ sở hữu	1.961.957.527	598.343.423
Phải trả khác			
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP HCM	Công ty mẹ	12.000.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016
	VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng thành viên	351.360.000

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 được lập với mục đích quyết toán số liệu tính đến thời điểm chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh, do đó không trình bày số liệu so sánh về kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại theo biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/07/2016 và phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh kỳ này:

	Mã số	Điều chỉnh lại, Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
Bảng Cân đối kế toán			
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.449.205.576	-
- Chi phí trả trước dài hạn	261	2.122.166.820	3.571.392.396
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	3.015.665.597	3.018.234.156
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20.074.853.119	4.591.576.278
- Quỹ Đầu tư phát triển	418	18.536.994.208	16.881.360.711
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	-	17.141.478.897

M.S.D.N: 0301986393-C.T.C. CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH QUẬN 10-TP. HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Kinh Oanh	**Lê Nga Phương**	**Lê Hữu Châu**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 08 năm 2016

12147 03
PHÒNG THỰC HIỆN BAN SAO VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực ..... Quyển số ..... SCT/BS
Ngày 29 Tháng 12 Năm 16
Chủ Tịch UBND P.5, Q.10

U.B.N.D PHƯỜNG 5 QUẬN 10 - T.P HỒ CHÍ MINH

Hà Thị Kim